

Bản án số: 136/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Cao Văn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Đinh Thanh Hoàn**

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Hùng Vĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung K** (tên gọi khác: không); Sinh ngày 18/3/1990 tại huyện L, tỉnh Hà Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1957 (Đã chết), con bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1959; Vợ Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1986 (Đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Ngày 26/02/2019, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 17/8/2019 chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giam ngày 04/9/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái. Có mặt.

Bị hại: Anh Trương Hoàng G, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Khu 9, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Lê Thị Lan A; Lê Thị P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung K quen biết anh Trương Hoàng G (sinh năm 1997, trú tại khu 9, phường H, thành phố H) làm nghề lái xe taxi từ ngày 07/02/2021 sau một lần đi xe của anh G. Khi đó, K giới thiệu với anh G tên là T. Chiều ngày 15/02/2021, K gọi điện cho anh G thuê chở K từ cầu B, thị xã Q, đi thành phố M để gặp bạn gái. Trên đường đi, anh G hỏi K làm nghề gì cho anh G làm cùng để kiếm thêm thu nhập. Nghe anh G hỏi vậy, K đã nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tài sản của anh G để lấy tiền tiêu, nên K nói dối anh G là mình làm xuất nhập khẩu.

Với ý định đó, khoảng 08 giờ ngày 16/02/2021, K bảo anh G chở đến Cửa khẩu Quốc tế M. Tại đây, K nói dối anh G là K đang có lô hàng 18 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax 256 GB, bản quốc tế có giá 18.500.000 đồng/chiếc và muốn bán lại cho anh G với giá 20.000.000 đồng/chiếc. K yêu cầu anh G đặt cọc trước 40.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào anh G nhận được điện thoại và bán được mới phải trả cho K, anh G đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do không có tiền mặt nên anh G cùng K đến khu vực vòng xuyên đầu cầu K thuộc khu 1, phường T, thành phố M gặp một người phụ nữ không quen biết làm nghề đổi tiền (sau này mới biết tên là Lê Thị Lan A). Tại đây, anh G chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị A. Sau khi nhận được tiền, chị A đưa cho K 40.000.000 đồng tiền mặt và được K trả 100.000 đồng phí chuyển tiền.

Đến sáng ngày 17/02/2021, K tiếp tục bảo anh G chở K và bạn gái là chị Lê Thị P (sinh năm 1988; trú tại số 72A, phố D, phường K, thành phố M) đi chùa T ở tỉnh Hà Nam. Trên đường đi, K cho anh G số điện thoại khác của mình là 0382.630.268 và nói dối đây là số của T (em của K) và bảo anh G đến sân bay Nội Bài gặp T để lấy 18 chiếc điện thoại, còn K và chị P sẽ đón xe khác đi chùa T. Anh G tưởng thật đã đến sân bay Nội Bài liên lạc vào số điện thoại K cho để gặp anh T. Khi thấy anh G gọi điện đến số máy 0382.630.268, K không nghe máy vì sợ bị anh G nhận ra giọng mình nên đã giả là anh T nhắn tin cho anh G nói là chưa lấy được hàng và bảo anh G chờ ở sân bay. Đến sáng ngày 18/02/2021, anh G chờ tại sân bay Nội Bài nhưng không có ai đến giao điện thoại, nên đã gọi điện vào số 0376.660.888 của K, thì K bảo anh G về H trước, hôm sau K sẽ mang điện thoại về giao cho anh G. Sau đó, K đã thay số điện thoại rồi bỏ trốn.

Sau khi không liên lạc được với K, anh G tìm kiếm trên mạng xã hội mới biết tên thật của K là Nguyễn Trung K chứ không phải là T như K giới thiệu. Biết mình bị lừa, nên ngày 26/4/2021, anh G đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Móng Cái để trình báo sự việc.

Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 04/9/2021, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Móng Cái đã ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Trung K, thu giữ của K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5, màu tím, gắn sim số 0985.804.832.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Trung K đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, K khai nhận việc lừa đảo tài sản của anh G chỉ do một mình K thực hiện, K không nói cho chị P biết.

Bị hại anh Trương Hoàng G trong quá trình điều tra đều có lời khai phù hợp nội dung vụ án về thời gian, địa điểm, cách thức mà bị cáo K đã có hành vi gian dối và các tình tiết khác phù hợp với lời khai của Nguyễn Trung K. Bị cáo K đã tác động gia đình hoàn trả cho anh G số tiền 40.000.000đ, anh G không có yêu cầu gì thêm, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị T có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo K về việc thời gian bị cáo K đề nghị hoàn trả số tiền 40.000.000đ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị T thể hiện bận công việc nên không tham gia phiên tòa, và anh G anh đã nhận đủ số tiền và chị không yêu cầu K phải trả lại số tiền trên.

Người làm chứng chị Lê Thị P có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo K về mối quan hệ với K và anh G nhưng chị P không biết việc K đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của anh G số tiền 40.000.000đ.

Chị Lê Thị Lan A có lời khai phù hợp với lời khai bị cáo K và anh G về thời gian, địa điểm, số tiền mà chị Lan A là người đưa trực tiếp tiền cho K sau khi anh G chuyển khoản cho chị số tiền 40.000.000đ vào tài khoản.

Tại cáo trạng số 133/CT-VKS-MC ngày 02/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung K, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo Nguyễn Trung K. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 04/9/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trung K 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme 5, màu tím, điện thoại cũ qua sử dụng.

Trả lại Nguyễn Trung K 01(một) sim số 0985.804.832.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 16/02/2021, tại khu 1, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Trung K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Trương Hoàng G số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Các chứng cứ buộc tội của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện như nội dung cáo trạng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, do đó hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ của anh Trương Hoàng G đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái là có căn cứ pháp lý.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lười lao động, để có tiền ăn chơi bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được

xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, nên K được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không đáng kể, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Hoàng G yêu cầu Nguyễn Trung K phải bồi thường cho anh số tiền 40.000.000 đồng. K đã nhờ chị gái ruột là chị Nguyễn Thị T bồi thường cho anh G số tiền 40.000.000 đồng. Anh G không yêu cầu bồi thường gì thêm, chị T không yêu cầu K phải hoàn trả số tiền này, nên không đề cập xử lý.

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Thu giữ của bị cáo K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 sim số 0985.804.832, bị cáo không sử dụng liên lạc vào quá trình phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo K.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Trung K** (tên gọi khác: không)

Phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung K 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 04/9/2021.

*** Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Trung K: 01 (một) chiếc điện thoại di động Realme 5, màu tím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) sim số 0985.804.832

(Tình trạng vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 11/2022/THA ngày 05/11/2021).

***) Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Cơ quan THADS;
- Cơ quan hồ sơ (CA tp Móng Cái);
- Bị cáo;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Cao Văn